

Số: /ĐHL-ĐTĐH

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2026

V/v công khai nội dung cơ bản  
Đề án mở ngành đào tạo  
Thương mại điện tử trình độ đại học

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đảng ủy Trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Các đơn vị truyền thông, phụ huynh và thí sinh.

Căn cứ Nghị quyết số 926-NQ/ĐU ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Đảng ủy Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt thông qua Đề án mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học, ngày 22/6/2026, Hiệu trưởng cũng đã có Quyết định số 1042/QĐ-ĐHL về việc ban hành Đề án mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học và Quyết định số 1048/QĐ-ĐHL về việc mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học;

Thực hiện điểm b khoản 5 Điều 14 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường) công khai một số nội dung cơ bản của Đề án mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học, cụ thể như sau:

## **1. Lý do mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học**

### **1.1. Lý do mở ngành đào tạo**

- *Thứ nhất*, phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ;
- *Thứ hai*, phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực trong nước và quốc tế;
- *Thứ ba*, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;
- *Thứ tư*, nhu cầu ngày càng tăng cao cả về số lượng và chất lượng đối với nhân lực ngành Thương mại điện tử;
- *Thứ năm*, thực trạng nhân lực ngành Thương mại điện tử có trình độ chuyên môn cao đang bị thiếu hụt;
- *Thứ sáu*, kết quả khảo sát đánh giá nhu cầu thực tế nhân lực ngành Thương mại điện tử.

### **1.2. Mục tiêu đào tạo ngành Thương mại điện tử trình độ đại học**

a) Về kiến thức: trang bị kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, tự nhiên, kinh doanh và công nghệ thông tin; mô tả và giải thích các kiến thức nền tảng về thương mại điện tử và các kiến thức bổ trợ cần thiết, phục vụ nhu cầu công việc;

b) Về kỹ năng: trang bị kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kinh doanh thương mại điện tử và chuyển đổi số; kỹ năng thực hiện Marketing trực tuyến và ứng dụng tốt kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề trong thương mại điện tử; trang bị năng lực sử dụng tiếng Anh ở bậc trung cấp trở lên và ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin cơ bản; thực hiện và phối hợp những kỹ năng trong giao tiếp, ứng xử, làm việc nhóm phục vụ giao tiếp, học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp;

c) Về mức tự chủ và trách nhiệm: thể hiện ý thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công việc và trách nhiệm xã hội; năng lực nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức, tư duy khởi nghiệp, thích nghi với môi trường đa văn hóa và hội nhập.

## **2. Chuẩn đầu vào của Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chuẩn chương trình đào tạo trình độ đại học; Quy chế tuyển sinh và Thông tin tuyển sinh trình độ đại học của Trường. Theo đó, sinh viên phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(i) Đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với trung học phổ thông, trung học nghề của Việt Nam (sau đây gọi chung và gọi tắt là tốt nghiệp THPT);

(ii) Tổng điểm xét tuyển tối thiểu phải đạt ngưỡng đầu vào được Trường công bố hằng năm;

(iii) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

(iv) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;

(v) Thực hiện đúng, đủ, hết quy trình đăng ký xét tuyển trong thời hạn quy định; riêng đối với hình thức đào tạo chính quy dành cho người đã tốt nghiệp trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy (sau đây viết tắt là VB2CQ) và hình thức đào tạo thường xuyên (vừa làm vừa học và từ xa) là nộp hồ sơ trong thời hạn quy định tại thời điểm thông báo tuyển sinh;

(vi) Có kết quả xét tuyển:

- Đối với hình thức đào tạo chính quy dành cho người đã tốt nghiệp THPT: xét tuyển phù hợp với chỉ tiêu theo từng tổ hợp đã được Trường công bố;

- Đối với hình thức đào tạo thường xuyên (vừa làm vừa học và từ xa) dành cho người đã tốt nghiệp THPT: xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp THPT và điểm học bạ;

- Đối với hình thức đào tạo VB2CQ dành cho người đã tốt nghiệp trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy đăng ký học liên thông ngành Thương mại điện tử: xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức đào tạo chính quy và điểm trung bình tích lũy toàn khóa;

- Đối với hình thức đào tạo thường xuyên (vừa làm vừa học và từ xa) dành cho người đã tốt nghiệp trình độ đại học đăng ký học liên thông ngành Thương mại điện tử: xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức đào tạo chính quy, hoặc hình thức đào tạo vừa làm vừa học, hoặc hình thức đào tạo từ xa và điểm trung bình tích lũy toàn khóa.

(vii) Thực hiện việc xác nhận nhập học và làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định.

## **3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử**

Sau khi tích lũy đủ và đạt khối lượng học tập (tín chỉ) theo quy định của Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử, sinh viên sẽ đạt được chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - viết tắt là **PLO**) về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ/ trách nhiệm như sau:

### **3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

a) Giải thích được các nguyên lý cơ bản về kinh tế học, quản trị kinh doanh, marketing và pháp luật làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức trong lĩnh vực quản trị và kinh doanh thương mại điện tử;

b) Vận dụng kiến thức về mô hình kinh doanh số, quy trình vận hành sàn thương mại điện tử, website doanh nghiệp và hệ thống thanh toán điện tử vào thực tiễn hoạt động kinh doanh;

c) Phân tích dữ liệu kinh doanh số, hành vi người tiêu dùng trực tuyến và các rủi ro pháp lý trong hoạt động thương mại điện tử nhằm đề xuất giải pháp tối ưu hóa và bảo đảm tuân thủ pháp luật;

d) Phân tích các vấn đề thực tiễn trong môi trường thương mại điện tử, từ đó đề xuất giải pháp cải tiến phù hợp với bối cảnh doanh nghiệp.

### **3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

a) Vận dụng các công cụ và phương pháp xử lý dữ liệu để khai thác thông tin thị trường và khách hàng; thực hiện lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát hoạt động kinh doanh trên các nền tảng thương mại điện tử và đề xuất điều chỉnh hoạt động lập kế hoạch, kinh doanh cho phù hợp;

b) Vận dụng kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, thuyết trình để thực hiện công việc với mức độ hiệu quả cao.;

c) Có năng lực tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế (*hoặc chương trình quốc tế khác tương đương*) tương đương từ bậc 3/6 đến bậc 4/6 (tùy theo khóa học và hình thức đào tạo) theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam, đặc biệt là tiếng Anh kinh doanh và thương mại; ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin cơ bản và kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản pháp luật trên môi trường Internet.

### **3.3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm**

a) Hình thành chuẩn mực về đạo đức kinh doanh và tuân thủ pháp luật để thực hiện các hành vi kinh doanh phù hợp và có trách nhiệm với xã hội;

b) Chủ động định hướng học tập; cập nhật xu hướng công nghệ, mô hình kinh doanh mới; thực hiện nghiên cứu và đổi mới để thích ứng với môi trường kinh doanh luôn thay đổi.

## **4. Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử**

### **4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử có cấu trúc bao gồm:

- Thành phần giáo dục đại cương;
- Thành phần cơ sở ngành và cốt lõi ngành;
- Thành phần thực tập, trải nghiệm; khóa luận tốt nghiệp, hoặc học và thi các học phần chuyên môn.

### **4.2. Tổng khối lượng học tập và thời gian đào tạo**

a) Tổng khối lượng học tập của Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử là 124 tín chỉ (*trong đó có 28 tín chỉ thuộc thành phần giáo dục đại cương, 84 tín chỉ thuộc thành phần cơ sở ngành và cốt lõi ngành và 12 tín chỉ thuộc thành phần thực tập, trải nghiệm; khóa luận tốt nghiệp hoặc học, thi các học phần chuyên môn*), cộng với 2 tín chỉ Chương trình môn học Tin học, 3 tín chỉ Chương trình môn học Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ Chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành;

b) Khối lượng học tập theo từng thành phần như sau:

Stt	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1.	<b>Thành phần giáo dục đại cương</b> (không bao gồm 2 tín chỉ của Chương trình môn học Tin học, 3 tín chỉ của Chương trình môn học Giáo dục thể chất và 11 tín chỉ của Chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh)	28
2.	<b>Thành phần cơ sở ngành và cốt lõi ngành</b>	84
	a) Thành phần cơ sở ngành (kiến thức bắt buộc)	29
	b) Thành phần cốt lõi ngành	55
	(i) Kiến thức bắt buộc	33
	(ii) Kiến thức tự chọn	22/46
	❖ Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	12/24
	❖ Lĩnh vực Công nghệ thông tin	6/12
	❖ Lĩnh vực Pháp luật	4/10
3.	<b>Thành phần thực tập, trải nghiệm; khóa luận tốt nghiệp hoặc học, thi các học phần chuyên môn</b>	12
	a) Kiến thức bắt buộc: thực tập, trải nghiệm	7
	b) Kiến thức tự chọn	5
	(i) Khóa luận tốt nghiệp	5
	(ii) Hoặc học, thi các học phần chuyên môn	5
	<b>Cộng:</b>	<b>124</b>

c) Thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa:

- Đối với người đã tốt nghiệp THPT:

▪ Hình thức đào tạo chính quy và từ xa (đào tạo thường xuyên): có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 4 (bốn) năm và được triển khai trong 8 (tám) học kỳ;

▪ Hình thức đào tạo vừa làm vừa học (đào tạo thường xuyên): có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 4,5 (bốn phẩy năm) năm và được triển khai trong 9 (chín) học kỳ.

- Đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học đăng ký học liên thông ngành Thương mại điện tử:

▪ Hình thức đào tạo VB2CQ và từ xa (đào tạo thường xuyên): có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 2,5 (hai phẩy năm) năm và được triển khai trong 5 (năm) học kỳ;

▪ Hình thức đào tạo vừa làm vừa học (đào tạo thường xuyên): có thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 3 (ba) năm và được triển khai trong 6 (sáu) học kỳ.

d) Thời gian đào tạo tối đa và tối thiểu:

- Thời gian tối đa để sinh viên nêu tại Mục 4.2.c hoàn thành khóa học không vượt quá 2 (hai) lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa;

- Thời hạn tối đa để sinh viên nêu tại Mục 4.2.c được rút ngắn thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa không vượt quá 2 (hai) học kỳ chính đối với người có bằng tốt nghiệp THPT; và không vượt quá 1 (một) học kỳ chính đối với người có bằng tốt nghiệp trình độ đại học.

### 4.3. Nội dung Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử

#### a) Chương trình đào tạo tổng thể

(i) Thành phần giáo dục đại cương (kiến thức bắt buộc): 28 tín chỉ, bao gồm:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Triết học Mác-Lênin	3	Khoa Khoa học cơ bản
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Khoa Khoa học cơ bản
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa Khoa học cơ bản
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa Khoa học cơ bản
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa Khoa học cơ bản
6.	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Khoa Luật HC-nhà nước
7.	Quyền con người trong pháp luật Việt Nam	2	Khoa Luật HC-nhà nước
8.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	Khoa Quản trị
9.	Toán kinh tế	2	Khoa Quản trị
10.	Cơ sở công nghệ thông tin	2	Khoa Quản trị
11.	Tiếng Anh thương mại	2	Khoa Quản trị
12.	Kỹ năng quản lý bản thân, học tập, giao tiếp, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề	3	Khoa Quản trị
13.	Tin học đại cương (học phần điều kiện)	2	Phòng Đào tạo Đại học (sinh viên nộp chứng chỉ theo thông báo vào cuối khóa học)
14.	Giáo dục thể chất (học phần điều kiện) <sup>1</sup>	3	Khoa Khoa học cơ bản
15.	Giáo dục quốc phòng và an ninh (học phần điều kiện) <sup>2</sup>	11	Phòng Đào tạo Đại học
<b>Cộng:</b>		<b>28</b>	

(ii) Thành phần cơ sở ngành và cốt lõi ngành: 84 tín chỉ, bao gồm:

(ii.1) Thành phần cơ sở ngành (kiến thức bắt buộc): 29 tín chỉ, gồm các học phần:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Quản trị học	3	Khoa Quản trị
2.	Hệ thống thông tin quản lý và chuyên đổi số	3	Khoa Quản trị

<sup>1</sup> Theo Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT quy định về Chương trình môn học Giáo dục thể chất: “Thông tư này áp dụng đối với đại học quốc gia, đại học vùng, học viện, trường đại học (bao gồm cả các trường đại học thành viên của đại học quốc gia, đại học vùng) trong hệ thống giáo dục quốc dân thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục đại học) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.”. Theo đó, đối với hình thức đào tạo thường xuyên (vừa làm vừa học và từ xa) sẽ không bố trí học các học phần thuộc Chương trình môn học Giáo dục thể chất.

<sup>2</sup> Theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT quy định về Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học: “Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học thống nhất dùng để giảng dạy học sinh, sinh viên hệ chính quy và không chính quy trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học; cơ sở giáo dục đại học liên kết đào tạo với nước ngoài.”. Đồng thời, tại Điều 26 Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 đã xác định: hình thức đào tạo gồm đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên (vừa làm vừa học và từ xa). Như vậy, sinh viên theo học hình thức đào tạo thường xuyên (tức hệ không chính quy) vẫn phải học Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bằng phương thức trực tiếp (dù các học phần còn lại đều được học bằng phương thức tổ chức đào tạo từ xa hoặc học bằng phương thức tổ chức đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và từ xa).

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
3.	Kinh tế vi mô	3	Khoa Quản trị
4.	Kinh tế vĩ mô	3	Khoa Quản trị
5.	Cơ sở lập trình	3	Khoa Quản trị
6.	Nguyên lý kế toán	3	Khoa Quản trị
7.	Marketing căn bản	3	Khoa Quản trị
8.	Thương mại điện tử	3	Khoa Quản trị
9.	Thông kê ứng dụng	3	Khoa Quản trị
10.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	2	Khoa Luật thương mại
<b>Cộng:</b>		<b>29</b>	

(ii.2) Thành phần cốt lõi ngành: 55 tín chỉ, trong đó:

❶ Kiến thức bắt buộc: 33 tín chỉ, gồm các học phần:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Thanh toán điện tử	3	Khoa Quản trị
2.	An toàn và bảo mật thương mại điện tử	3	Khoa Quản trị
3.	Marketing số	3	Khoa Quản trị
4.	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp	3	Khoa Quản trị
5.	Quản trị dự án số	3	Khoa Quản trị
6.	Quản trị nhân lực	3	Khoa Quản trị
7.	Quản trị sản xuất và vận hành	3	Khoa Quản trị
8.	Chiến lược kinh doanh điện tử	3	Khoa Quản trị
9.	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	Khoa Quản trị
10.	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	3	Khoa Quản trị
11.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	Khoa Luật dân sự
<b>Cộng:</b>		<b>33</b>	

❷ Kiến thức tự chọn: chọn tối thiểu 22/46 tín chỉ, gồm 3 lĩnh vực:

① *Lĩnh vực Kinh doanh - quản lý*: chọn tối thiểu 12/24 tín chỉ, gồm các học phần:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Quản trị Marketing	3	Khoa Quản trị
2.	Quản trị thương hiệu	3	Khoa Quản trị
3.	Quản trị bán hàng	3	Khoa Quản trị
4.	Quản trị tài chính	3	Khoa Quản trị
5.	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức trong kinh doanh	3	Khoa Quản trị
6.	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Khoa Quản trị
7.	Thanh toán quốc tế	3	Khoa Quản trị
8.	Quản trị sự thay đổi	3	Khoa Quản trị
<b>Cộng:</b>		<b>12/24</b>	

② *Lĩnh vực Công nghệ thông tin*: chọn tối thiểu 6/12 tín chỉ, gồm các học phần:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Quản trị mạng	3	Khoa Quản trị
2.	Quản trị cơ sở dữ liệu	3	Khoa Quản trị
3.	Phân tích dữ liệu ứng dụng và dữ liệu lớn	3	Khoa Quản trị
4.	Lập trình web	3	Khoa Quản trị
<b>Cộng:</b>		<b>6/12</b>	

③ *Lĩnh vực Pháp luật*: chọn tối thiểu 4/10 tín chỉ, gồm các học phần:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Luật thương mại điện tử	2	Khoa Luật thương mại
2.	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	Khoa Luật thương mại
3.	Trí tuệ nhân tạo và pháp luật	2	Khoa Luật quốc tế
4.	Quản trị tài sản trí tuệ	2	Khoa Luật dân sự
5.	Luật thương mại quốc tế	2	Khoa Luật quốc tế
<b>Cộng:</b>		<b>4/10</b>	

(iii) Thành phần thực tập, trải nghiệm; khóa luận tốt nghiệp hoặc học, thi các học phần chuyên môn: 12 tín chỉ, bao gồm:

① Kiến thức bắt buộc (thực tập, trải nghiệm): 7 tín chỉ, gồm các học phần:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Trải nghiệm thực tế kinh doanh thương mại điện tử tại doanh nghiệp	2	Khoa Quản trị
2.	Dự án Khởi nghiệp thương mại điện tử	2	Khoa Quản trị
3.	Thực tập nghề nghiệp thương mại điện tử	3	Khoa Quản trị
<b>Cộng:</b>		<b>7</b>	

② Kiến thức tự chọn (khóa luận tốt nghiệp hoặc học, thi các học phần chuyên môn): 5 tín chỉ, gồm các học phần:

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
1.	Khóa luận tốt nghiệp	5	Khoa Quản trị
2.	Hoặc học, thi các học phần chuyên môn:	5	
	a) Quản trị logistics	3	Khoa Quản trị
	b) Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	Khoa Quản trị
<b>Cộng:</b>		<b>5</b>	

(iv) Một số yêu cầu về chuẩn đầu ra trình độ tin học, tiếng Anh và xét làm khóa luận tốt nghiệp:

(iv.1) Yêu cầu về chuẩn đầu ra trình độ tin học và tiếng Anh

① Tin học:

- Sinh viên phải đạt chuẩn trình độ “Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản” (hoặc tương đương) hoặc MOS Word;
- Sinh viên tự học, thi và nộp chứng chỉ khi đủ điều kiện, theo thông báo của Trường.

② Tiếng Anh:

- Sinh viên phải đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế (*hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương*) được Trường thông báo cho sinh viên vào đầu khóa học. Riêng đối với hình thức đào tạo VB2CQ và hình thức đào tạo thường xuyên (vừa làm vừa học và từ xa), sinh viên phải đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế (*hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương*), hoặc Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam, tương đương với mức điểm được áp dụng cho hình thức đào tạo chính quy;

- Sinh viên tự học, thi và nộp chứng chỉ khi đủ điều kiện, theo thông báo của Trường.

(iv.2) Về xét làm khóa luận tốt nghiệp: việc xét cho sinh viên được viết khóa luận tốt nghiệp được Trường quy định cho từng khóa học, lớp học nhưng không quá 10% tổng số sinh viên toàn khóa và điểm trung bình tích lũy của sinh viên tính đến thời điểm xét làm khóa luận không thấp hơn 2,8 (*tính theo thang điểm 4*).

**b) Chương trình đào tạo chi tiết theo từng học kỳ (dự kiến):**

Năm	Học kỳ	Tên học phần	Tín chỉ	Số tiết	Đơn vị thực hiện		
1	1	Giáo dục thể chất HP1 - Bơi lội	1	30	Khoa Khoa học cơ bản		
		Triết học Mác - Lênin	3	45	Khoa Khoa học cơ bản		
		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	Khoa Khoa học cơ bản		
		Kỹ năng quản lý bản thân, học tập, giao tiếp, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề	3	45	Khoa Quản trị		
		Toán kinh tế	2	30	Khoa Quản trị		
		<b>Cộng:</b>	<b>10</b>	<b>150</b>			
	2	2	Giáo dục thể chất HP2,3 - Bơi lội	2	60	Khoa Khoa học cơ bản	
			Giáo dục quốc phòng và an ninh	11	165	Phòng Đào tạo Đại học	
			Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	Khoa Khoa học cơ bản	
			Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam	2	30	Khoa Khoa học cơ bản	
			Tiếng Anh thương mại	2	30	Khoa Quản trị	
			Cơ sở công nghệ thông tin	2	30	Khoa Quản trị	
			Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	45	Khoa Luật HC-nhà nước	
			Kinh tế vi mô	3	45	Khoa Quản trị	
			Quản trị học	3	45	Khoa Quản trị	
	<b>Cộng:</b>	<b>17</b>	<b>255</b>				
	2	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	Khoa Khoa học cơ bản	
Pháp luật về chủ thể kinh doanh			2	30	Khoa Luật thương mại		
Thương mại điện tử			3	45	Khoa Quản trị		
Kinh tế vi mô			3	45	Khoa Quản trị		
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh			3	45	Khoa Quản trị		
Nguyên lý kế toán			3	45	Khoa Quản trị		
Cơ sở lập trình			3	45	Khoa Quản trị		
<b>Cộng:</b>			<b>19</b>	<b>285</b>			
4		4	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	45	Khoa Luật dân sự	
			Thanh toán điện tử	3	45	Khoa Quản trị	
			Thông kê ứng dụng	3	45	Khoa Quản trị	
			Marketing căn bản	3	45	Khoa Quản trị	
			Chọn	Quản trị mạng	3	45	Khoa Quản trị
			6/12	Quản trị cơ sở dữ liệu	3	45	Khoa Quản trị

Năm	Học kỳ	Tên học phần		Tín chỉ	Số tiết	Đơn vị thực hiện	
		tín chỉ	Phân tích dữ liệu ứng dụng và dữ liệu lớn	3	45	Khoa Quản trị	
			Lập trình web	3	45	Khoa Quản trị	
		<b>Cộng:</b>		<b>18</b>	<b>270</b>		
3	5	Tin học đại cương		2	-	Phòng Đào tạo Đại học (sinh viên tự học và nộp chứng chỉ)	
		Trải nghiệm thực tế kinh doanh thương mại điện tử tại doanh nghiệp		2	30	Khoa Quản trị	
		Hệ thống thông tin quản lý và chuyển đổi số		3	45	Khoa Quản trị	
		Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp		3	45	Khoa Quản trị	
		Marketing số		3	45	Khoa Quản trị	
		Quản trị kinh doanh quốc tế		3	45	Khoa Quản trị	
		Chọn 4/10 tín chỉ	Luật thương mại điện tử		2	30	Khoa Luật thương mại
			Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ		2	30	Khoa Luật thương mại
			Trí tuệ nhân tạo và pháp luật		2	30	Khoa Luật quốc tế
			Luật Thương mại quốc tế		2	30	Khoa Luật quốc tế
	Quản trị tài sản trí tuệ		2	30	Khoa Luật dân sự		
	<b>Cộng:</b>		<b>18</b>	<b>270</b>			
	6	Dự án Khởi nghiệp thương mại điện tử		2	30	Khoa Quản trị	
		Quyền con người trong pháp luật Việt Nam		2	30	Khoa Luật hành chính - nhà nước	
		Quản trị dự án số		3	45	Khoa Quản trị	
		Quản trị sản xuất và vận hành		3	45	Khoa Quản trị	
		Quản trị nhân lực		3	45	Khoa Quản trị	
		Chọn 6/12 tín chỉ	Nghệ thuật lãnh đạo		3	45	Khoa Quản trị
			Quản trị thương hiệu		3	45	Khoa Quản trị
			Quản trị bán hàng		3	45	Khoa Quản trị
Quản trị tài chính			3	45	Khoa Quản trị		
<b>Cộng:</b>		<b>19</b>	<b>285</b>				
4	7	Thực tập nghề nghiệp thương mại điện tử		3	45	Khoa Quản trị	
		Chiến lược kinh doanh điện tử		3	45	Khoa Quản trị	
		An toàn và bảo mật thương mại điện tử		3	45	Khoa Quản trị	
		Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu		3	45	Khoa Quản trị	
		Chọn 6/12 tín chỉ	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức trong kinh doanh		3	45	Khoa Quản trị
			Quản trị Marketing		3	45	Khoa Quản trị
			Thanh toán quốc tế		3	45	Khoa Quản trị
			Quản trị sự thay đổi		3	45	Khoa Quản trị
	<b>Cộng:</b>		<b>18</b>	<b>270</b>			
	8	Khóa luận tốt nghiệp		5	75	Khoa Quản trị	
		Hoặc học, thi các học phần chuyên môn:					
		(i) Quản trị logistics		3	45	Khoa Quản trị	
		(ii) Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo		2	30	Khoa Quản trị	
<b>Cộng:</b>		<b>5</b>	<b>75</b>				

#### 4.4. Sự khác biệt Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử của Trường so với các cơ sở giáo dục đang đào tạo cùng ngành, cùng trình độ

Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử của Trường có sự khác biệt so với các cơ sở giáo dục đang đào tạo cùng ngành, cùng trình độ:

- *Thứ nhất*, điểm khác biệt cốt lõi của Chương trình đào tạo là sự tích hợp liên ngành giữa “pháp luật” và “kinh doanh số”, thay vì đào tạo đơn ngành như ngành Luật (thiên về trang bị kiến thức pháp luật); hay ngành Quản trị kinh doanh truyền thống tại các cơ sở đào tạo khác. Sinh viên không chỉ được trang bị năng lực vận hành hệ thống kinh doanh điện tử, quản trị chuỗi cung ứng số hay marketing số, mà còn được xây dựng nền tảng pháp lý chuyên sâu về hợp đồng điện tử, bảo mật dữ liệu người dùng, quản trị rủi ro pháp lý trong giao dịch xuyên biên giới, chuyển giao công nghệ và bảo hộ tài sản trí tuệ trên không gian mạng. Sự kết hợp này tạo lợi thế rõ rệt trong bối cảnh kinh doanh số và hội nhập quốc tế, nơi các vấn đề pháp lý phát sinh ngày càng phức tạp;

- *Thứ hai*, Chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng thực tiễn cao hơn so với nhiều chương trình đào tạo truyền thống. Thay vì tập trung nhiều vào việc trang bị kiến thức lý thuyết như một số ngành Luật, hoặc tách rời pháp luật thực định khỏi thực hành, sinh viên theo học Chương trình đào tạo này sẽ được tiếp cận kiến thức thông qua các tình huống thực tế, các dự án giả lập và tình huống tranh chấp phát sinh trong giao dịch số, quản trị chuỗi cung ứng chặng cuối, logistics điện tử, vận hành sàn thương mại điện tử và bảo hộ tài sản trí tuệ trên không gian mạng. Điều này giúp sinh viên có khả năng xử lý vấn đề đa chiều, kết hợp cả góc nhìn kinh doanh số và pháp lý;

- *Thứ ba*, Chương trình đào tạo nhấn mạnh phát triển tư duy phản biện và năng lực quản lý trong môi trường toàn cầu, thay vì chỉ đào tạo chuyên môn đơn lẻ. Các học phần được thiết kế nhằm rèn luyện kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm và tư duy chiến lược trong bối cảnh kinh doanh số quốc tế. Đây là điểm khác biệt quan trọng so với các chương trình đào tạo của các trường đang đào tạo thiên về kiến thức chuyên ngành thuần túy;

- *Thứ tư*, sinh viên được trang bị hệ thống kiến thức pháp luật toàn diện và mang tính quốc tế hóa cao, bao gồm pháp luật về thương mại điện tử, thương mại quốc tế, hợp đồng, sở hữu trí tuệ, đầu tư, logistics và mua bán và sáp nhập xuyên biên giới. So với sinh viên theo học ngành Luật (thường được trang bị kiến thức pháp luật thực định), hoặc theo học các ngành kinh tế (ít được trang bị kiến thức pháp luật), sinh viên theo học Chương trình đào tạo này có lợi thế nổi bật trong việc xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh toàn cầu;

- *Thứ năm*, Chương trình đào tạo chú trọng trải nghiệm thực tế đa môi trường, không chỉ tại doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp vận hành sàn thương mại điện tử, các đơn vị logistics và E-logistics mà còn tại các công ty luật quốc tế và tổ chức đầu tư nước ngoài. Điều này tạo nên sự khác biệt rõ rệt so với các chương trình đào tạo khác vốn thường giới hạn trong một loại hình thực tập, đồng thời giúp sinh viên xây dựng mạng lưới nghề nghiệp và tăng khả năng thích ứng ngay sau khi tốt nghiệp.

## **5. Đội ngũ giảng viên và nhà khoa học để mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học**

### **5.1. Về đội ngũ giảng viên và nhà khoa học ngành phù hợp và chuyên môn phù hợp**

a) Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, Trường phải có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của ngành khác, có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

Đồng thời, tại khoản 9 Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT có quy định: ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành đào tạo cùng trình độ phải đáp ứng 1 trong 3 yêu cầu sau:

(i) Cùng tên với ngành đào tạo hoặc đáp ứng quy định trong chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

(ii) Trường hợp chưa có chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành tương ứng: có căn cứ khoa học và thực tiễn và được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường xác định là ngành có cùng nền tảng chuyên môn và thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo;

(iii) Được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận dựa trên ý kiến của Hội đồng tư vấn chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập.

Theo đó, giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo là ông Phạm Đình Dzu, có trình độ tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Việt Nam (mã ngành 9340101), là ngành có cùng nền tảng chuyên môn và thuộc “cùng nhóm ngành Kinh doanh, mã ngành **93401**” với ngành đào tạo; có kinh nghiệm giảng dạy tính đến thời điểm này là 11 năm.

Danh sách giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ “ngành phù hợp” chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Chức danh, trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy
1.	Phạm Đình Dzu	01/11/1973	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Quản trị kinh doanh	11 năm

b) Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, Trường phải có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo (bao gồm cả tiến sĩ ngành phù hợp), trong đó mỗi thành phần của chương trình đào tạo phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.

Đồng thời, tại khoản 8 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT có quy định: giảng viên có chuyên môn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 là giảng viên đáp ứng tiêu chuẩn quy định trong chuẩn chương trình đào tạo và 1 trong 2 yêu cầu sau:

(i) Có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ ngành phù hợp, là ngành cùng tên với ngành đào tạo; hoặc được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xác định là ngành có cùng nền tảng chuyên môn gần nhất đối với ngành đào tạo, được phần lớn người tốt nghiệp ngành đào tạo lựa chọn khi học lên trình độ cao hơn;

(ii) Có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ thuộc ngành được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xác định phù hợp để chủ trì giảng dạy ít nhất 02 học phần cốt lõi (bắt buộc) trong một thành phần của chương trình đào tạo, đồng thời đã có ít nhất 02 năm kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy trọn vẹn các học phần đó.

Theo đó, giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ với “chuyên môn phù hợp” để chủ trì giảng dạy Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử bao gồm:

(i) Ông Phạm Đình Dzu, có trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Việt Nam (mã ngành 9340101), là ngành có cùng nền tảng chuyên môn gần nhất, thuộc “cùng nhóm ngành Kinh doanh, mã ngành **93401**” với ngành đào tạo:

- Kinh nghiệm giảng dạy tính đến thời điểm này là 11 năm;
- Học phần đảm nhận trong chương trình đào tạo dự kiến mở là Marketing căn bản và Quản trị kinh doanh quốc tế.

(ii) Ông Cao Minh Trí, có trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Kinh doanh quốc tế tại Thái Lan (mã ngành 9340120), là ngành có cùng nền tảng chuyên môn gần nhất, thuộc “cùng nhóm ngành Kinh doanh, mã ngành **93401**” với ngành đào tạo:

- Kinh nghiệm giảng dạy tính đến thời điểm này là 11 năm;
- Học phần đảm nhận trong chương trình đào tạo dự kiến mở là Quản trị kinh doanh quốc tế và Quản trị học.

(iii) Ông Hồ Trần Quốc Hải, có trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Việt Nam (mã ngành 9340101), là ngành có cùng nền tảng chuyên môn gần nhất, thuộc “cùng nhóm ngành Kinh doanh, mã ngành **93401**” với ngành đào tạo:

- Kinh nghiệm giảng dạy tính đến thời điểm này là 8 năm;
- Học phần đảm nhận trong chương trình đào tạo dự kiến mở là Marketing căn bản và Kinh tế vi mô.

(iv) Ông Lại Nam Tuấn, có trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Kinh doanh tại Đài Loan, Trung Quốc, là ngành có cùng nền tảng chuyên môn gần nhất, thuộc “cùng nhóm ngành Kinh doanh, mã ngành **93401**” với ngành đào tạo:

- Kinh nghiệm giảng dạy tính đến thời điểm này là 13 năm;
- Học phần đảm nhận trong chương trình đào tạo dự kiến mở là Quản trị học và Quản trị chiến lược (trùng đồng với học phần Chiến lược kinh doanh điện tử trong Chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở).

(v) Ông Phan Trọng Nhân, có trình độ chuyên môn là tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Việt Nam (mã ngành 9340101), là ngành có cùng nền tảng chuyên môn gần nhất, thuộc “cùng nhóm ngành Kinh doanh, mã ngành **93401**” với ngành đào tạo:

- Kinh nghiệm giảng dạy tính đến thời điểm này là 16 năm;
- Học phần đảm nhận trong chương trình đào tạo dự kiến mở là Marketing căn bản và Kinh tế vi mô.

Danh sách giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ với “chuyên môn phù hợp” để chủ trì giảng dạy Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử:

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Chức danh, trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo	Học phần đảm nhận
1.	Phạm Đình Dzu	01/11/1973	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Quản trị kinh doanh	Marketing căn bản và Quản trị kinh doanh quốc tế
2.	Cao Minh Trí	22/05/1977	Tiến sĩ, Thái Lan, 2010	Kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh quốc tế và Quản trị học
3.	Hồ Trần Quốc Hải	24/01/1988	Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Quản trị kinh doanh	Marketing căn bản và Kinh tế vi mô;
4.	Lại Nam Tuấn	14/11/1987	Tiến sĩ, Đài Loan, 2020	Kinh doanh	Quản trị học và Quản trị chiến lược
5.	Phan Trọng Nhân	02/06/1987	Tiến sĩ, Việt Nam, 2026	Quản trị kinh doanh	Marketing căn bản và Kinh tế vi mô

c) Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, Trường phải có đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. Theo đó:

(i) Đội ngũ giảng viên thực hiện Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử là giảng viên của Khoa Quản trị và giảng viên của các khoa chuyên môn của Trường. Tính đến ngày 05/6/2026, Trường có 545 viên chức và người lao động, trong đó có 395 giảng viên và 150 chuyên viên, nhân viên phục vụ; đội ngũ giảng viên của Trường có 05 giáo sư, 21 phó giáo sư, 134 tiến sĩ, 230 thạc sĩ và 05 cử nhân trình độ đại học; riêng Khoa Quản trị có 58 giảng viên, trong đó có 02 phó giáo sư, 27 tiến sĩ và 29 thạc sĩ (trong đó có 21 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh).

(ii) Tham gia giảng dạy các học phần trong Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử còn có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng. Giảng viên thỉnh giảng chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong Chương trình đào tạo. Theo đó, tính đến ngày 05/6/2026, Trường đã ký hợp đồng thỉnh giảng với 02 giảng viên có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy để đảm nhận một số học phần trong Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử.

(iii) Mỗi học phần trong Chương trình đào tạo đều có 02 giảng viên cơ hữu của Trường đảm nhận. Ngoài ra, có một số học phần còn có sự tham gia giảng dạy của giảng viên thỉnh giảng như: Toán kinh tế, Thống kê ứng dụng,...

## ***5.2. Về đội ngũ giảng viên thực hiện Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử***

Stt	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đỗ Thị Thùy Trang; Luu Đình Vinh.	Triết học Mác-Lênin	HK1 Năm 1	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
2	Nguyễn Thanh Long; Quách Thị Minh Trang	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	HK1 Năm 1	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
3	Nguyễn Quốc Vinh; Ngô Tuấn Phương.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HK2 Năm 1	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
4	Nguyễn Hoài Đông; Trần Thị Rồi.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HK6 Năm 3	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
5	Ngô Bá Khiêm; Trần Ngọc Anh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HK3 Năm 2	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
6	Nguyễn Thị Ngọc Mai; Phạm Thị Phương Thảo (A).	Lý luận về nhà nước và pháp luật	HK2 Năm 1	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
7	Nguyễn Mạnh Hùng; Trần Thị Thu Hà.	Quyền con người trong pháp luật Việt Nam	HK3 Năm 2	2				Giảng viên tham gia giảng dạy

Stt	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy	
				Bắt buộc		Tự chọn			
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
8	Lưu Tiến Dũng; Nguyễn Văn Tuyên.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	HK3 Năm 2	3					Giảng viên tham gia giảng dạy
9	Trần Thị Bảo Trâm; Ngô Thuận Dù (thỉnh giảng).	Toán kinh tế	HK1 Năm 1	2					Giảng viên tham gia giảng dạy/ Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy
10	Lê Minh Tuyên; Phạm Bửu Tài.	Cơ sở công nghệ thông tin	HK2 Năm 1	2					Giảng viên tham gia giảng dạy
11	Lại Nam Tuấn; Lê Nguyễn Hương Quỳnh.	Tiếng Anh thương mại	HK2 Năm 1	2					Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ Giảng viên tham gia giảng dạy
12	Nguyễn Quốc Ninh; Trần Thùy Nhung	Kỹ năng quản lý bản thân, học tập, giao tiếp, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề	HK1 Năm 1	3					Giảng viên tham gia giảng dạy
13	Đỗ Hoàng Hiếu; Trần Văn Hạnh.	Giáo dục thể chất HP1 - Bơi lội	HK1 Năm 1	3					Giảng viên tham gia giảng dạy
14	Đỗ Hoàng Hiếu; Trần Văn Hạnh	Giáo dục thể chất HP2,3 - Bơi lội	HK2 Năm 1	2					Giảng viên tham gia giảng dạy
15	Lương Công Nguyên; Nguyễn Quốc Ninh.	Quản trị học	HK2 Năm 1	3					Giảng viên tham gia giảng dạy
16	Nguyễn Quốc Ninh; Nguyễn Xuân Tùng.	Hệ thống thông tin quản lý và chuyên đổi số	HK5 Năm 3	3					Giảng viên tham gia giảng dạy
17	Nguyễn Quốc Phong; Lê Anh Luyến.	Kinh tế vi mô	HK2 Năm 1	3					Giảng viên tham gia giảng dạy
18	Võ Văn Bản; Trương Diệu Thảo.	Kinh tế vĩ mô	HK3 Năm 2	3					Giảng viên tham gia giảng dạy
19	Phạm Bửu Tài; Đoàn Việt Hùng.	Cơ sở lập trình	HK3 Năm 2	3					Giảng viên tham gia giảng dạy
20	Nguyễn Thị Ngọc; Đoàn Thùy Linh.	Nguyên lý kế toán	HK3 Năm 2	3					Giảng viên tham gia giảng dạy
21	Lê Ngọc Diễm; Bành Trần Tường Vân.	Marketing căn bản	HK4 Năm 2	3					Giảng viên tham gia giảng dạy

Stt	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
22	Lâm Thiều Linh; Hồ Trần Quốc Hải.	Thương mại điện tử	HK3 Năm 2	3				Giảng viên tham gia giảng dạy/ Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
23	Trần Thị Bảo Trâm; Ngô Thuận Dũng (thỉnh giảng).	Thống kê ứng dụng	HK4 Năm 2	3				Giảng viên tham gia giảng dạy/ Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy
24	Nguyễn Tuấn Vũ; Từ Thanh Thảo.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	HK2 Năm 1	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
25	Nguyễn Thị Trúc Phương; Ngô Huỳnh Giang.	Thanh toán điện tử	HK4 Năm 2	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
26	Lê Minh Tuyền; Nguyễn Thanh Khương.	An toàn và bảo mật thương mại điện tử	HK7 Năm 4	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
27	Hồ Trần Quốc Hải; Lâm Thiều Linh.	Marketing số	HK5 Năm 3	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ Giảng viên tham gia giảng dạy
28	Nguyễn Minh Đạt; Lê Anh Luyến.	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp	HK5 Năm 3	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
29	Vũ Thanh An; Trần Thùy Nhung.	Quản trị dự án số	HK6 Năm 3	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
30	Nguyễn Thị Hoa; Nguyễn Thanh Hoàng Anh.	Quản trị nhân lực	HK6 Năm 3	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
31	Vũ Thanh An; Nguyễn Quốc Ninh.	Quản trị sản xuất và vận hành	HK6 Năm 3	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
32	Lương Công Nguyên; Lại Nam Tuấn.	Chiến lược kinh doanh điện tử	HK7 Năm 4	3				Giảng viên tham gia giảng dạy/ Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

Stt	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
33	Cao Minh Trí; Lê Thị Kim Khang.	Quản trị kinh doanh quốc tế	HK5 Năm 3	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ Giảng viên tham gia giảng dạy
34	Phạm Đình Dzu. Hồ Trúc Vi;	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	HK7 Năm 4	3				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ Giảng viên tham gia giảng dạy
35	Nguyễn Xuân Quang; Nguyễn Phương Thảo.	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	HK4 Năm 2	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
36	Lê Ngọc Diễm; Bùi Doãn Zin.	Quản trị Marketing	HK7 Năm 4	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
37	Cao Minh Trí; Hồ Trần Quốc Hải.	Quản trị thương hiệu	HK6 Năm 3	3				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
38	Nguyễn Thị Ngọc Duyên; Bành Trần Tường Vân.	Quản trị bán hàng	HK6 Năm 3	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
39	Nguyễn Bá Hoàng; Hồ Hoàng Gia Bảo.	Quản trị tài chính	HK6 Năm 3	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
40	Nguyễn Thanh Hoàng Anh; Lê Nguyễn Hương Quỳnh.	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức trong kinh doanh	HK7 Năm 4	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
41	Nguyễn Hoàng Phước Hiền; Nguyễn Thanh Hoàng Anh.	Nghệ thuật lãnh đạo	HK6 Năm 3	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
42	Ngô Huỳnh Giang; Nguyễn Hữu Phú Thành.	Thanh toán quốc tế	HK7 Năm 4	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
43	Võ Thị Thảo Nguyên; Trần Thùy Nhung.	Quản trị sự thay đổi	HK7 Năm 4	3				Giảng viên tham gia giảng dạy

Stt	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
44	Đoàn Khải Hiếu (thỉnh giảng); Lê Minh Tuyên.	Quản trị mạng	HK4 Năm 2	3				Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy/ Giảng viên tham gia giảng dạy
45	Nguyễn Thanh Khương; Đoàn Việt Hùng.	Quản trị cơ sở dữ liệu	HK4 Năm 2	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
46	Nguyễn Thanh Khương; Đoàn Khải Hiếu (thỉnh giảng).	Phân tích dữ liệu ứng dụng và dữ liệu lớn	HK4 Năm 2	3				Giảng viên tham gia giảng dạy/ Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy
47	Phạm Bửu Tài; Đoàn Khải Hiếu.	Lập trình web	HK4 Năm 2	3				Giảng viên tham gia giảng dạy
48	Trần Hoàng Nga; Nguyễn Hoàng Phước Hạnh.	Luật thương mại điện tử	HK5 Năm 3	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
49	Nguyễn Thị Thư; Nguyễn Hoàng Thùy Trang	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	HK5 Năm 3	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
50	Lê Trần Quốc Công; Phan Hoài Nam.	Trí tuệ nhân tạo và pháp luật	HK5 Năm 3	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
51	Lê Thị Nam Giang; Võ Nguyên Hoàng Phúc.	Quản trị tài sản trí tuệ	HK5 Năm 3	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
52	Trần Thị Thuận Giang; Nguyễn Hoàng Thái Hy.	Luật thương mại quốc tế	HK5 Năm 3	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
53	Bùi Doãn Zin; Nguyễn Thị Ngọc Duyên.	Trải nghiệm thực tế kinh doanh thương mại điện tử tại doanh nghiệp	HK5 Năm 3	2				Giảng viên tham gia giảng dạy
54	Phan Trọng Nhân; Hồ Trúc Vi.	Dự án Khởi nghiệp thương mại điện tử	HK6 Năm 3	2				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ Giảng viên tham gia giảng dạy

Stt	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
55	Phạm Đình Dzu; Lê Thị Kim Khang.	Thực tập nghề nghiệp thương mại điện tử	HK7 Năm 4	3				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ Giảng viên tham gia giảng dạy
56	Giảng viên được phân công	Khóa luận tốt nghiệp	HK8 Năm 4	5				Giảng viên tham gia giảng dạy
57	Trịnh Thị Hạ Huyền; Lại Nam Tuấn.	Quản trị logistics	HK8 Năm 4	3				Giảng viên tham gia giảng dạy/ Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
58	Võ Thị Thảo Nguyên; Trần Thùy Nhung.	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	HK8 Năm 4	2				Giảng viên tham gia giảng dạy

## **6. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, sách, giáo trình để mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học**

### **6.1. Về cơ sở vật chất, giảng đường, phòng học, phòng làm việc**

#### a) Về cơ sở vật chất:

(i) Tại cơ sở 1 (trụ sở chính): số 02 Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu (Phường 13, Quận 4 cũ) có diện tích đất là 3.569m<sup>2</sup> và có diện tích sàn xây dựng là 13.360m<sup>2</sup>, trong đó có 2.486m<sup>2</sup> làm thư viện và 5.384m<sup>2</sup> làm phòng học và phòng thảo luận; có số lượng phòng học và phòng thảo luận là 55 phòng, với sức chứa từ 41 đến 342 chỗ ngồi;

(ii) Tại cơ sở 2: số 123 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình (phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức cũ) có diện tích đất là 3.627m<sup>2</sup> và có diện tích sàn xây dựng là 12.132m<sup>2</sup>, trong đó có 2.004m<sup>2</sup> làm thư viện và 3.909m<sup>2</sup> làm phòng học và phòng thảo luận; có số lượng phòng học và phòng thảo luận là 34 phòng, với sức chứa từ 20 đến 320 chỗ ngồi;

(iii) Tại cơ sở 3: phường Long Phước (phường Long Phước, thành phố Thủ Đức cũ) có diện tích đất là 128.376m<sup>2</sup> và có diện tích sàn đã đưa vào sử dụng là 16.330m<sup>2</sup>, trong đó có 1.880m<sup>2</sup> làm thư viện và 4.500m<sup>2</sup> làm phòng học và phòng thảo luận; có số lượng phòng học và phòng thảo luận là 39 phòng, với sức chứa từ 80 đến 120 chỗ ngồi;

(iv) Tại Phân hiệu tại tỉnh Quảng Trị (tổ dân phố 6, phường Đồng Thuận) có diện tích đất là 142.512m<sup>2</sup> và có diện tích sàn xây dựng là 24.341,34m<sup>2</sup>, trong đó có 1.830m<sup>2</sup> làm thư viện và 5.067m<sup>2</sup> với 20 phòng học lý thuyết và phòng chức năng có sức chứa từ 50-75 chỗ ngồi theo hướng tiện nghi, hiện đại và 01 Khối Nhà giảng đường với sức chứa 150 chỗ ngồi.

b) Về giảng đường, phòng học, phòng làm việc phục vụ cho việc tuyển sinh và đào tạo ngành Thương mại điện tử trình độ đại học được Trường sử dụng và thực hiện việc đầu tư mua sắm giống như các ngành hiện nay đang được Trường tổ chức đào tạo; đồng thời có tính đến yếu tố đặc thù của ngành đào tạo cần có nơi để thực hành xây dựng chiến lược kinh doanh thương mại điện tử, dự án thanh toán điện tử, bảo mật thông tin điện tử.

### 6.2. Trang thiết bị phục vụ đào tạo

a) Trang thiết bị làm việc và phục vụ đào tạo được trang bị đầy đủ, hiện đại. Tất cả máy tính đều được kết nối mạng Internet tốc độ cao, liên tục 24/24; tất cả phòng học được trang bị máy chiếu (*projector*) và màn hình LCD chất lượng cao. Trường còn có phòng diễn án; phòng thực hành xây dựng chiến lược kinh doanh thương mại điện tử, dự án thanh toán điện tử, bảo mật thông tin điện tử (sẽ triển khai xây dựng), với các thiết bị, dụng cụ đáp ứng yêu cầu thực hành xét xử các vụ án và thực hành kinh doanh thương mại điện tử, bảo mật thông tin điện tử; 02 phòng thực hành máy tính, 01 phòng Lab và 01 phòng thiết bị đa năng.

b) Trang thiết bị phục vụ đào tạo của Trường như sau:

Stt	Phòng học		Trang thiết bị	
	Loại phòng học	Số lượng	Tên gọi thiết bị	Số lượng
<b>Tại Thành phố Hồ Chí Minh</b>				
1	Phòng học đa phương tiện	124	Máy chiếu (thuyết giảng)	91
			Màn hình LCD (thuyết giảng)	33
2	Phòng học ngoại ngữ	3	Máy chiếu (thuyết giảng)	3
			Màn hình LCD (thuyết giảng)	1
3	Tất cả các giảng đường tại cơ sở Nguyễn Tất Thành	55	Wifi router (kết nối mạng Internet tại các phòng học)	125
4	Tất cả các giảng đường tại cơ sở Bình Triệu	34	Wifi router (kết nối mạng Internet tại các phòng học)	34
5	Tất cả các giảng đường tại cơ sở Long Phước (đã được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2025)	35	Wifi router (kết nối mạng Internet tại các phòng học)	101
<b>Tại Phân hiệu tại tỉnh Quảng Trị</b>				
1	Phòng học đa phương tiện	20	Máy chiếu (thuyết giảng) Wifi router (kết nối mạng Internet tại các phòng học)	
2	Nhà giảng đường	1	Wifi router (kết nối mạng Internet tại các phòng học) Màn hình LED	

c) Trang thiết bị phục vụ đào tạo của Trường còn có hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet tốc độ cao, đảm bảo đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về diện tích, vị trí, sàn nâng, nhiệt độ, phòng cháy, chống sét bao gồm:

(i) Hệ thống máy chủ quản lý chung: 03 bộ máy chủ VxRail S570, RAM 128GB, HDD 4x4TB; sử dụng công nghệ Vmware, chứa đựng nhiều máy chủ ảo, công nghệ backup an toàn;

(ii) Hệ thống máy chủ sử dụng cho E-Learning: 03 bộ máy chủ Dell Poweredge R740, trong đó 02 bộ sử dụng Web Server (Load Balancing), 01 bộ sử dụng database; ngoài ra, Trường còn sử dụng hệ thống Cloud Server chạy dự phòng;

(iii) Hệ thống tường lửa (Firewall): sử dụng có bản quyền, được hỗ trợ 24/7 từ nhà cung cấp: thiết bị Fortigate 601E Bundle tại cơ sở 1, Fortigate 600C tại cơ sở 2 và Fortigate 101F tại cơ sở 3;

(iv) Hệ thống cân bằng tải (Load Balancer): sử dụng thiết bị APV 2800 AppVelocity-E ADC, công nghệ phân tải thông minh;

(v) Hệ thống lưu trữ: gồm kho lưu trữ Google Drive (*là kho lưu trữ chính phục vụ cho hệ thống đang vận hành, tận dụng công nghệ mạnh mẽ từ Google và chính sách hỗ trợ dành cho giáo dục*) và kho lưu trữ học liệu dự phòng và học liệu thô trong quá trình sản xuất học liệu để cung cấp cho sinh viên (sử dụng thiết bị lưu trữ SAN có dung lượng 10TB);

(vi) Hệ thống kết nối nút mạng (Switch): sử dụng thiết bị Cisco C9200-24T-A Catalyst 9200, công nghệ Cisco;

(vii) Hệ thống mạng, đường truyền: gồm 07 đường truyền tốc độ cao Leased line và 02 đường kết nối (Metro Net) của nhà cung cấp HTC và Viettel, trong đó:

\* HTC: 01 đường truyền Metro Net 1Gbps để nối cơ sở 1 với cơ sở 3; và 01 đường truyền Metro Net 150Mbps để nối cơ sở 1 với Phân hiệu tại tỉnh Quảng Trị:

- + 100 Mbps (QT)/500 Mbps (TN)-HTC;
- + 200 Mbps (QT)/500 Mbps (TN)-HTC;
- + 200 Mbps (QT)/500 Mbps (TN)-HTC;
- + 200 Mbps (QT)/500 Mbps (TN)-HTC;
- + 300 Mbps (QT)/500 Mbps (TN)-HTC;
- + 300 Mbps (QT)/500 Mbps (TN)-HTC.

\* Viettel: 01 đường truyền Metro Net 1GB để nối cơ sở 1 với cơ sở 2:

- + 300 Mbps (QT)/500 Mbps (TN)-Viettel;
- + 300 Mbps (QT)/500 Mbps (TN)-Viettel.

(viii) Hệ thống họp trực tuyến Logitech Group: gồm 02 bộ, được trang bị đầy đủ camera, mic, loa;

(ix) Hệ thống máy chủ đám mây chuyên nghiệp (cloud) để nâng cao khả năng vận hành, đáp ứng điều kiện để chuyển sang dạy học trực tuyến đảm bảo có chất lượng như dạy học trực tiếp. Các máy chủ nội bộ và đám mây của Trường gồm có:

Stt	Máy chủ	Số lượng	Năm	Ghi chú
<b>Tại Thành phố Hồ Chí Minh</b>				
1.	HP DL380G6	01	2013	Dùng làm máy chủ chính (domain controller master).
2.	Cloud Server (CentOS)	01	2020	Dùng cho 03 trang web: E-Learning và thi trắc nghiệm trên máy tính.
3.	Cloud Server (Azure)	01	2020	Dùng cho Công thông tin điện tử và E-office

Stt	Máy chủ	Số lượng	Năm	Ghi chú
4.	Dell VxRAIL S570	03	2022	Dùng làm Hệ thống máy chủ ảo: máy chủ phụ (domain controller slave), Kaspersky server, Library server, Libol server, SQL server, MySQL server, Web server, Wifi controller server.
5.	Dell R740	05	2022	- 02 máy dùng cho quản lý đào tạo; - 03 máy dùng cho dạy học trực tuyến.
<b>Tại Phân hiệu tại tỉnh Quảng Trị</b>				
1	Dell R440	01		Dùng làm máy chủ, lưu trữ dữ liệu nội bộ

### 6.3. Trang thông tin điện tử

Trang thông tin điện tử để đăng tải các thông tin yêu cầu phải công khai, minh bạch thông tin theo quy định; là nơi cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin chính thống của Trường phục vụ cho hoạt động tuyển sinh và đào tạo ngành Thương mại điện tử trình độ đại học, có tại địa chỉ: <https://www.hcmulaw.edu.vn>.

### 6.4. Thư viện, giáo trình, sách

- Thư viện Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh là Thư viện lớn và hiện đại trong khu vực phía Nam. Ngoài thế mạnh là tài liệu chuyên ngành Luật, Trường còn có các tài liệu tham khảo, sách, giáo trình liên quan đến lĩnh vực kinh tế, quản trị, kinh doanh thương mại và ngôn ngữ, văn học, văn hóa nước ngoài. Tổng diện tích sàn xây dựng của Thư viện tại các cơ sở và Phân hiệu tại tỉnh Quảng Trị là 8.200m<sup>2</sup>, trong đó diện tích phòng đọc là 4.716m<sup>2</sup>; số chỗ ngồi có thể bố trí là 824 lượt người; số lượng máy tính phục vụ tra cứu là 179 máy.

- Thư viện được thiết kế, xây dựng và đưa vào hoạt động với cơ sở hạ tầng theo tiêu chuẩn của các thư viện điện tử hiện đại trên thế giới, với phần mềm quản lý thư viện theo tiêu chuẩn MARC (*Machine - Readable - Cataloging*). Hệ thống thông tin - thư viện này không chỉ cung cấp cho bạn đọc tài liệu truyền thống như: sách, giáo trình, luận án, tạp chí,... mà còn có cả tài liệu điện tử. Trong đó, bao gồm cả đĩa mềm và các cơ sở dữ liệu trực tuyến như: Westlaw, Heinonline,... Mục lục truy cập công cộng trực tuyến Online public access catalog (OPAC) tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc tìm kiếm thông tin nhanh chóng. Bên cạnh đó, ngoài các hình thức phục vụ phổ biến như: đọc tại chỗ, mượn về nhà, sao chụp tài liệu, tra cứu đề tài theo yêu cầu, thẩm định trùng lặp nội dung đề tài,...

- Về sách, giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho các học phần thuộc thành phần giáo dục đại cương; tài liệu, giáo trình chính phục vụ cho các học phần thuộc thành phần cơ sở ngành và cốt lõi ngành của ngành đào tạo Thương mại điện tử có trong Thư viện của Trường đảm bảo đáp ứng tài liệu học tập cho 58 học phần trong Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử. Thông tin chi tiết tại Phụ lục 6 - Mẫu 7 (danh mục giáo trình của ngành đào tạo).

- Ngoài ra, Trường còn có rất nhiều đầu giáo trình và tài liệu khác liên quan đến Chương trình đào tạo được thống kê đến thời điểm hiện tại (ngày 05/6/2026) như sau:

- (i) Tổng số đầu tài liệu: 25.713;
- (ii) Tổng số bản tài liệu: 97.787;
- (iii) Tổng số đầu sách, giáo trình, sách tham khảo: 16.018;
- (iv) Tổng số bản sách, giáo trình, sách tham khảo: 77.719.

- Thư viện số bao gồm:

- (i) 3.560 tài liệu nội sinh (luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu khoa học, tài liệu hội thảo); 116 sách tham khảo, chuyên khảo;
- (ii) 26.234 bài viết tạp chí chuyên ngành (Tạp chí Khoa học pháp lý, Tạp chí Luật học, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp);
- (iii) 10.468 bài viết gắn link truy cập mở.

- Riêng Thư viện tại Phân hiệu tại tỉnh Quảng Trị có hơn 600 đầu sách, giáo trình; tài liệu tham khảo tương ứng với 2.444 bản tài liệu; được trang bị đầy đủ thiết bị, ánh sáng, phòng đọc, phòng làm việc, phần mềm quản lý, tra cứu tài liệu, phòng thực hành tin học; Thư viện có 12 máy vi tính được nối mạng Internet để cập nhật thông tin, tư liệu hỗ trợ cho công tác thư viện, việc dạy và học của giảng viên, sinh viên.

- Đảm bảo số đầu sách giáo trình, sách chuyên khảo tính bình quân trên một ngành đào tạo ở mỗi trình độ đào tạo không nhỏ hơn 40. Đảm bảo số bản sách, giáo trình, sách chuyên khảo tính bình quân trên một người học quy đổi theo trình độ đào tạo không nhỏ hơn 5.

- Các cơ sở dữ liệu (CSDL) bao gồm:

- (i) CSDL ngoại văn Oxford (<https://academic.oup.com/>);
- (ii) CSDL ngoại văn Heinonline (<https://home.heinonline.org/>);
- (iii) CSDL ngoại văn Westlaw (<https://legal.thomsonreuters.com/en/westlaw>);
- (iv) CSDL tra cứu bản án, án lệ LexCentra (<https://lexcentra.hcmulaw.edu.vn/>);
- (v) CSDL tra cứu văn bản pháp luật (<https://thuvienphapluat.vn/>);
- (vi) CSDL sách điện tử IG Publishing (<https://www.igpublish.com/>);
- (vii) CSDL trực tuyến OPAC (<https://lib.hcmulaw.edu.vn/Opac/>);
- (viii) CSDL tài nguyên thông tin số (<https://thuvienso.hcmulaw.edu.vn/>).

- Các cơ sở dữ liệu hợp tác với các đơn vị ngoài Trường như:

(i) CSDL Thư viện số của Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh;

(ii) CSDL Tạp chí toàn văn của Cục Khoa học và Công nghệ quốc gia, tại địa chỉ website: <https://sti.vista.gov.vn/>;

(iii) CSDL Văn bản pháp luật - Luật Việt Nam, tại địa chỉ website: <https://luatvietnam.vn/>;

(iv) CSDL Toàn văn Luận án tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tại địa chỉ website: <https://luanvan.moet.gov.vn/>.

- Ngoài ra, Trường còn có các địa chỉ website phục vụ trực tiếp cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu như: <https://nhasach.hcmulaw.edu.vn/> (Trung tâm Học liệu) và <https://library.hcmulaw.edu.vn/> (Thư viện).

## **7. Tổ chức tuyển sinh và đào tạo ngành Thương mại điện tử trình độ đại học**

### **7.1. Số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo và thời gian bắt đầu tuyển sinh**

a) Số lượng tuyển sinh và quy mô đào tạo

(i) Số lượng tuyển sinh đối với Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử được Trường xác định dựa theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định

số lượng tuyển sinh đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Theo đó, Trường xác định số lượng tuyển sinh dự kiến của năm học 2026-2027 và các năm học tiếp theo như sau:

Năm học	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030	2030-2031
Số lượng	90	100	110	120	132

(ii) Như vậy, với số lượng tuyển sinh dự kiến như nêu trên thì đến năm 2030-2031 quy mô đào tạo ngành Thương mại điện tử trình độ đại học sẽ là 462 sinh viên. Và từ năm học 2031-2032 trở đi, tùy thuộc vào nhu cầu xã hội và khả năng đào tạo của Trường, số lượng tuyển sinh sẽ được tăng dần qua các năm; dự kiến năm học 2031-2032 số lượng tuyển sinh của Trường sẽ là 145 và đến năm học 2035-2036 sẽ là 215, khi đó quy mô đào tạo ngành Thương mại điện tử trình độ đại học sẽ là 746 sinh viên. Dự kiến số lượng tuyển sinh đến năm học 2035-2036 như sau:

Năm học	2031-2032	2032-2033	2033-2034	2034-2035	2035-2036
Số lượng	145	160	176	195	215

b) Thời gian bắt đầu tuyển sinh: dự kiến Trường sẽ tuyển sinh và đào tạo ngành Thương mại điện tử trình độ đại học cho khóa đầu tiên là từ năm học 2026-2027, với số lượng tuyển sinh dự kiến là 90.

### **7.2. Phương thức tuyển sinh**

Phương thức tuyển sinh được thực hiện giống như các ngành đang được cấp có thẩm quyền cho phép tuyển sinh và đào tạo ở trình độ đại học.

### **7.3. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh và học phí**

a) Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh với các mốc thời gian, nội dung công việc và tiến độ triển khai đảm bảo phù hợp, thống nhất với Kế hoạch công tác tuyển sinh của các ngành đào tạo khác ở trình độ đại học của Trường.

b) Kế hoạch tuyển sinh và thông báo tuyển sinh tại thời điểm tuyển sinh có thông tin đầy đủ, rõ ràng, đặc biệt là thông tin về lệ phí xét tuyển, học phí và các khoản thu khác của người học cho từng năm học và dự kiến cho cả khóa học; và được công khai trên Trang thông tin điện tử, Trang thông tin tuyển sinh của Trường và các phương tiện truyền thông phù hợp ít nhất là 30 ngày, trước ngày tổ chức cho thí sinh đăng ký xét tuyển.

c) Học phí và nguồn tài chính của Đề án

- Học phí được Trường thông báo theo năm học và lộ trình cho toàn khóa học; mức học phí được Trường thu theo học kỳ, năm học và theo tín chỉ sinh viên đăng ký học của từng học kỳ, từng năm học;

- Nguồn kinh phí thực hiện Đề án mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học được lấy từ nguồn thu học phí, từ lãi tiền gửi thu học phí, từ các khoản thu sự nghiệp khác gửi tại Ngân hàng thương mại và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của Trường. Nguồn thu từ học phí là nguồn thu quan trọng để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo quyền lợi cho sinh viên theo học Chương trình đào tạo này.

### **7.4. Tổ chức đào tạo và cấp bằng**

a) Việc tổ chức đào tạo sinh viên theo học Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử được Trường đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản sau đây của Trường về ban hành chương trình đào tạo và quy chế đào tạo:

(i) Quyết định số 1014/QĐ-ĐHL ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng về việc ban hành Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử;

(ii) Quyết định số 992/QĐ-ĐHL ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về giảng dạy và học tập trực tuyến;

(iii) Quyết định số 506/QĐ-ĐHL ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

(iv) Quyết định số 707/QĐ-ĐHL ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học.

b) Sinh viên tích lũy đủ và đạt số học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử sẽ được Hiệu trưởng có quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học với danh hiệu “Bằng cử nhân ngành Thương mại điện tử” và trong phụ lục văn bằng có ghi “hình thức đào tạo chính quy”.

### **7.5. Vị trí việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

a) Về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: người học có thể làm việc/ đảm nhận vị trí công việc tại các cơ quan, đơn vị sau đây:

- Lĩnh vực thương mại điện tử và kinh doanh số: chuyên viên vận hành sàn thương mại điện tử (Shopee, Lazada, TikTok Shop), quản lý gian hàng trực tuyến; chuyên viên phát triển kinh doanh số, quản trị website hoặc ứng dụng thương mại điện tử, chăm sóc khách hàng đa kênh (Omnichannel);

- Lĩnh vực marketing số và truyền thông số: chuyên viên quảng cáo (Facebook Ads, Google Ads); chuyên gia SEO/SEM; chuyên viên nội dung (Content Marketing), quản lý mạng xã hội (Social Media Executive), hoặc quản lý chiến dịch người ảnh hưởng, nội dung do người dùng tạo (Influencer/UGC Campaign Manager);

- Lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng thương mại điện tử: thương mại điện tử gắn liền với hoạt động logistics, vì vậy sinh viên có thể làm việc tại các công ty vận chuyển, trung tâm hoàn tất đơn hàng (fulfillment) hoặc bộ phận vận hành chuỗi cung ứng, với vị quản lý đơn hàng, vận hành kho thương mại điện tử, quản lý logistics, tối ưu giao hàng chặng cuối (Last-mile delivery), quản lý tồn kho;

- Lĩnh vực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo: với nền tảng kiến thức về kinh doanh số, marketing, dữ liệu và vận hành, sinh viên có thể tự khởi nghiệp hoặc tham gia các startup với vai trò: nhà sáng lập, đồng sáng lập (Founder/Co-founder); chuyên viên phát triển mô hình kinh doanh, quản lý dự án khởi nghiệp hoặc tư vấn chiến lược kinh doanh trực tuyến;

- Lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn: sinh viên có định hướng học thuật có thể tiếp tục học sau đại học và làm việc tại các trường đại học, viện nghiên cứu hoặc tổ chức tư vấn trong các lĩnh vực như kinh doanh số, chuyên đổi số, hành vi người tiêu dùng trực tuyến;

- Lĩnh vực quản lý nhà nước và chính sách số: sinh viên có thể làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến kinh tế số và thương mại điện tử của Bộ Công Thương, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số,...., với vị trí chuyên viên quản lý thương mại điện tử, phát triển chính sách số, quản lý thị trường trực tuyến;

- Lĩnh vực phi chính phủ và phát triển quốc tế: các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ cũng có nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực thương mại điện tử nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ chuyên đổi số và phát triển kinh tế cộng đồng, với vị trí quản lý dự án

số, chuyên viên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số, hoặc phân tích thị trường số.

b) Về khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp: được học lên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ngành Thương mại điện tử, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị kinh doanh, Kinh tế số, Marketing, Quản trị chuỗi cung ứng và Logistics,...; các chương trình đào tạo giao thoa về công nghệ và dữ liệu áp dụng trong kinh doanh như Phân tích dữ liệu kinh doanh - Business Analytics; và các ngành đào tạo khác trong lĩnh vực Kinh doanh và quản lý thuộc nhóm ngành “Kinh doanh” và nhóm ngành “Quản trị - Quản lý”, khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của cơ sở đào tạo.

## **8. Tổ chức thực hiện**

### **8.1. Phòng Đào tạo Đại học**

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Tư vấn tuyển sinh, Phòng Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp, Phòng Chuyển đổi số tổ chức tư vấn tuyển sinh và truyền thông về Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử; đăng tải các nội dung cơ bản của Đề án mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học lên Trang thông tin điện tử của Trường và lên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học (Hệ thống Hemis);

b) Phối hợp với Khoa Quản trị, các khoa phụ trách chuyên môn khác, Phòng Tư vấn tuyển sinh và các đơn vị có liên quan tổ chức tư vấn tuyển sinh, tuyển sinh và đào tạo đảm bảo theo đúng quy định, quy chế tuyển sinh và đào tạo hiện hành;

c) Phối hợp với Phòng Công tác sinh viên và các đơn vị liên quan phổ biến, hướng dẫn cho sinh viên quy chế của Trường và các quy định liên quan đến quá trình học tập, kiểm tra, thi, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên khi bắt đầu khóa học cho đến kết thúc khóa học;

d) Phối hợp với Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí thực hiện việc khảo sát, thu thập ý kiến, quan điểm của các bên liên quan về Chương trình đào tạo, Đề án mở ngành đào tạo; công tác khảo thí; đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục đại học theo quy định pháp luật;

đ) Chịu trách nhiệm lập kế hoạch đào tạo theo từng học kỳ, đợt học; quản lý và vận hành các lớp học phần của Chương trình đào tạo trên hệ thống quản lý đào tạo; quản lý và giám sát quá trình giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên; quản lý dữ liệu liên quan đến thông tin của cá nhân sinh viên được cấp bằng;

e) Chịu trách nhiệm quản lý học vụ, công tác xét tốt nghiệp và công tác cấp phát văn bằng tốt nghiệp cho sinh viên theo học Chương trình đào tạo này;

g) Chịu trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin đối với Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học theo quy định.

### **8.2. Phòng Chuyển đổi số**

a) Hằng năm, chủ trì, phối hợp với Khoa Quản trị, các khoa phụ trách chuyên môn khác, Phòng Đào tạo Đại học và các đơn vị có liên quan tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp giảng dạy và quản lý hoạt động dạy học trực tuyến cho giảng viên, viên chức hỗ trợ học tập và viên chức quản lý; xây dựng kế hoạch để tổ chức hoặc cử giảng viên và viên chức hỗ trợ học tập, viên chức quản lý tham gia các buổi tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin; kỹ năng sử dụng các công cụ trên phần mềm

đào tạo trực tuyến; kỹ năng sử dụng các công cụ trên phần mềm quản lý nội dung học tập trực tuyến và phần mềm quản lý học tập trực tuyến;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc duy trì, phát triển và cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin; cấp tài khoản học tập cho sinh viên; hỗ trợ kỹ thuật và xử lý sự cố cho người dùng trong quá trình giảng dạy và học tập, kể cả khi triển khai dạy học trực tuyến;

c) Chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Tư vấn tuyển sinh, Phòng Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp đăng tải các nội dung cơ bản của Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học lên Trang thông tin điện tử của Trường và lên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học (Hệ thống Hemis).

### **8.3. Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí**

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học và Khoa Quản trị thực hiện việc khảo sát, thu thập ý kiến, quan điểm của các bên liên quan về Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác khảo thí, quản lý và giám sát quá trình tham gia dự thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của sinh viên; công tác đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục đại học theo quy định pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên và các bên liên quan về hoạt động đào tạo; phương pháp giảng dạy của giảng viên và phương pháp kiểm tra, đánh giá điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần.

### **8.4. Phòng Công tác sinh viên**

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học và các đơn vị liên quan tổ chức các buổi phổ biến, hướng dẫn cho sinh viên quy chế của Trường và các quy định liên quan đến quá trình học tập, kiểm tra, thi, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên khi bắt đầu khóa học cho đến kết thúc khóa học;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật sinh viên và các hoạt động khác liên quan đến công tác sinh viên.

**8.5. Trung tâm Học liệu, Thư viện:** chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học và các đơn vị liên quan cung cấp tài liệu học tập và các loại tài liệu tham khảo dưới dạng tài liệu in ấn hoặc tài liệu điện tử thông qua hệ thống thư viện, thư viện số, trung tâm học liệu.

### **8.6. Khoa Quản trị**

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử đảm bảo theo đúng quy định, quy chế đào tạo hiện hành;

b) Phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học cung cấp đầy đủ các loại hồ sơ minh chứng liên quan đến Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học, khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

c) Phối hợp với Phòng Chuyển đổi số tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp giảng dạy và quản lý hoạt động dạy học trực tuyến cho giảng viên, viên chức quản lý tham gia giảng dạy các học phần trong Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử;

d) Chịu trách nhiệm chuyên môn đối với các học phần trong Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử.

### **9. Văn bản đính kèm**

Đính kèm các nội dung cơ bản của Đề án mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học là:

- a) Quy chế, quy định liên quan đến ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học;
- b) Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử;
- c) Quyết định ban hành Đề án mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học và quyết định mở ngành đào tạo Thương mại điện tử trình độ đại học;
- d) Các phụ lục về điều kiện bảo đảm chất lượng để thực hiện hoạt động tuyển sinh và đào tạo ngành Thương mại điện tử trình độ đại học./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Đăng website Trường (để công khai);
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Trường Sơn**